

Số: 2256/2026/QĐST-DS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10/6/2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 102/2025/TLST-DS ngày 16/01/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Phạm Duy H**, sinh năm 1982.

Căn cước công dân số 034082006790 cấp ngày 02/11/2021.

Địa chỉ: **2 N, phường T, Thành phố T (nay là phường A), Thành phố H.**

Bị đơn: Bà **Thái Minh P**, sinh năm 1986.

Căn cước công dân số 091186000623 cấp ngày 08/12/2020.

Thường trú: **9 V, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Địa chỉ liên hệ: **Tầng B - A1, 444 Ngô Quyền (khu nhà ở xã hội), phường R, tỉnh An Giang.**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị Kim Q**, sinh năm 1983.

Căn cước công dân số 034183006599 cấp ngày 02/11/2021.

Địa chỉ: 2 N, phường T, Thành phố T (nay là phường A), Thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Ông **Phạm Duy H** và bà **Thái Minh P** thống nhất xác nhận bà **Thái Minh P** còn nợ ông **Phạm Duy H** tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 09/6/2026 là 131.573.333 (một trăm ba mươi một triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba) đồng, phát sinh từ Giấy vay tiền ngày 27/01/2021, trong đó:

- Nợ gốc là 80.000.000 đồng;

- Lãi chậm thanh toán tính từ ngày 27/01/2021 tạm tính đến ngày 10/6/2026 với lãi suất 12%/năm là 51.573.333 đồng;

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông **Phạm Duy H** chỉ yêu cầu bà **Thái Minh P** trả số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 27/01/2021 tạm tính đến ngày 10/6/2026 là 51.544.000 đồng, tổng là 131.544.000 (một trăm ba mươi một triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng.

2.3. Ông **Phạm Duy H** và bà **Thái Minh P** thống nhất thỏa thuận bà **Thái Minh P** có trách nhiệm trả cho ông **Phạm Duy H** tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 10/6/2026 là 131.544.000 đồng.

Phương thức thanh toán: Bà **Thái Minh P** có trách nhiệm trả cho ông **Phạm Duy H** mỗi tháng là 3.654.000 đồng, trả trong vòng 36 tháng, bắt đầu trả từ tháng 08/2026.

Trường hợp bà **Thái Minh P** vi phạm bất kỳ đợt thanh toán nào thì ông **Phạm Duy H** có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án đề nghị bà **Thái Minh P** trả một lần tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 10/6/2026 là 131.544.0000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông **Phạm Duy H** (đối với các khoản tiền phải trả cho ông **Phạm Duy H**) cho đến khi thi hành án xong, bà **Thái Minh P** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2.4 Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Thái Minh P** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.288.600 (ba triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn, sáu trăm) đồng.

Trả lại cho ông **Phạm Duy H** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.522.000 (ba triệu, năm trăm hai mươi hai nghìn) đồng theo biên lai thu số 0054681 ngày 15/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

- TAND **TP . HCM**;
- VKSND khu vực 5 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văn Thị Ngọc Mỹ